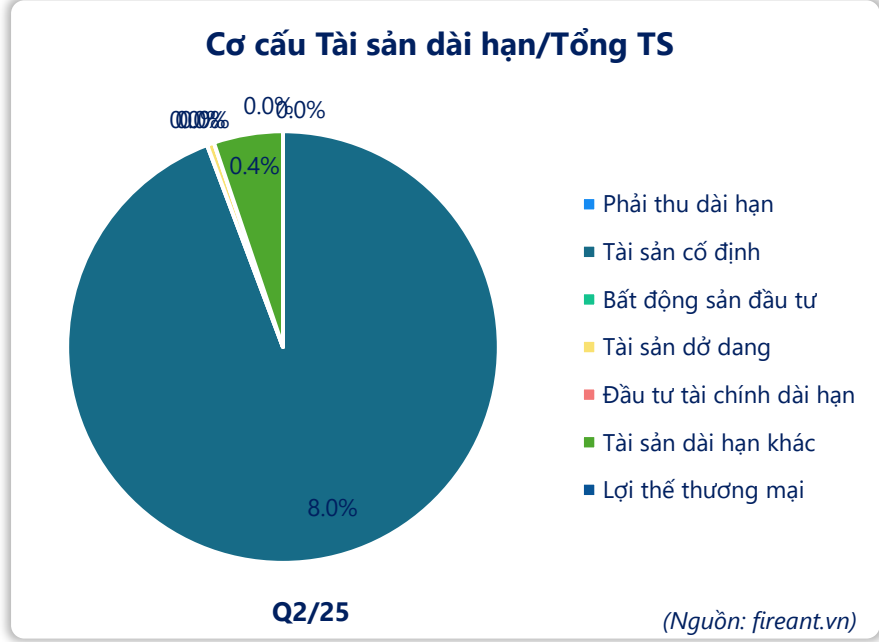
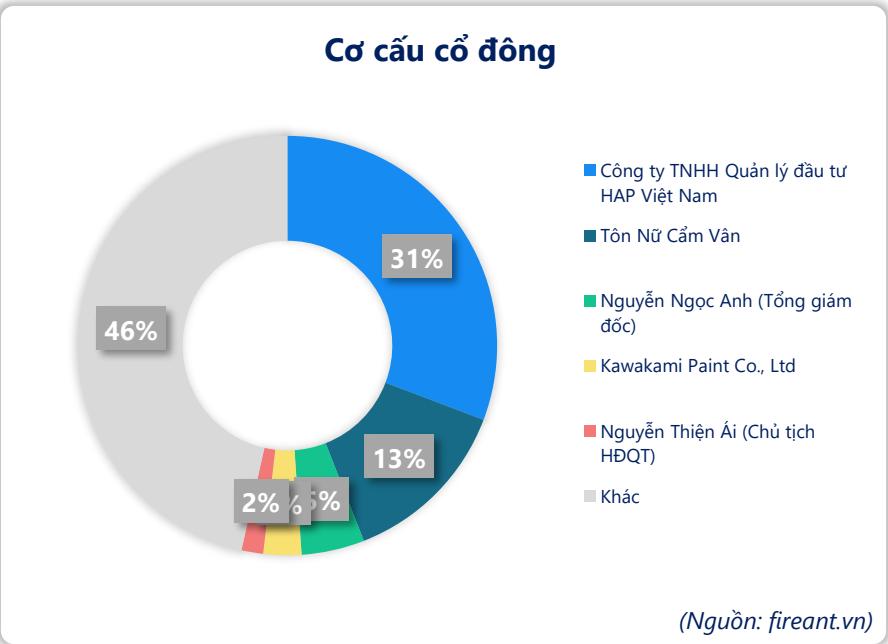
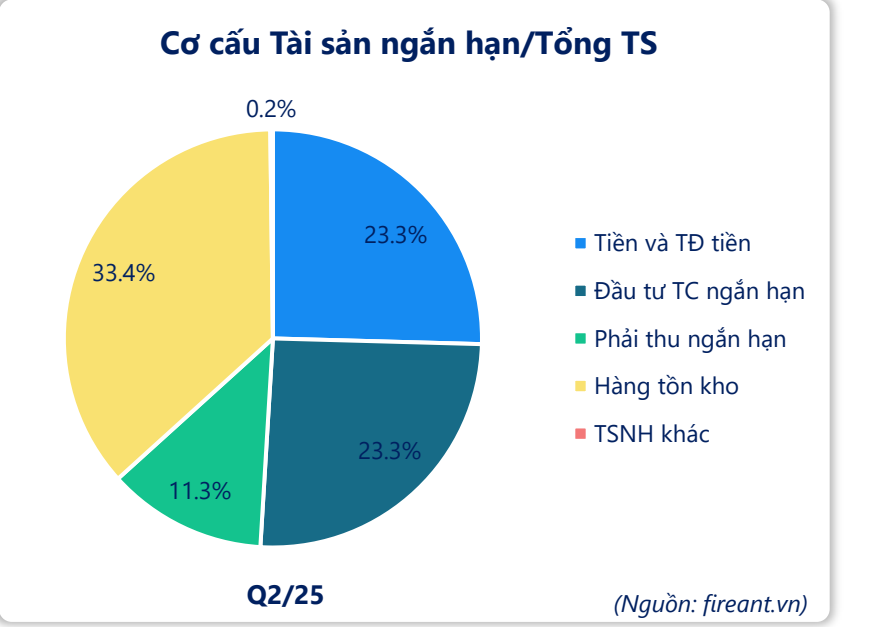
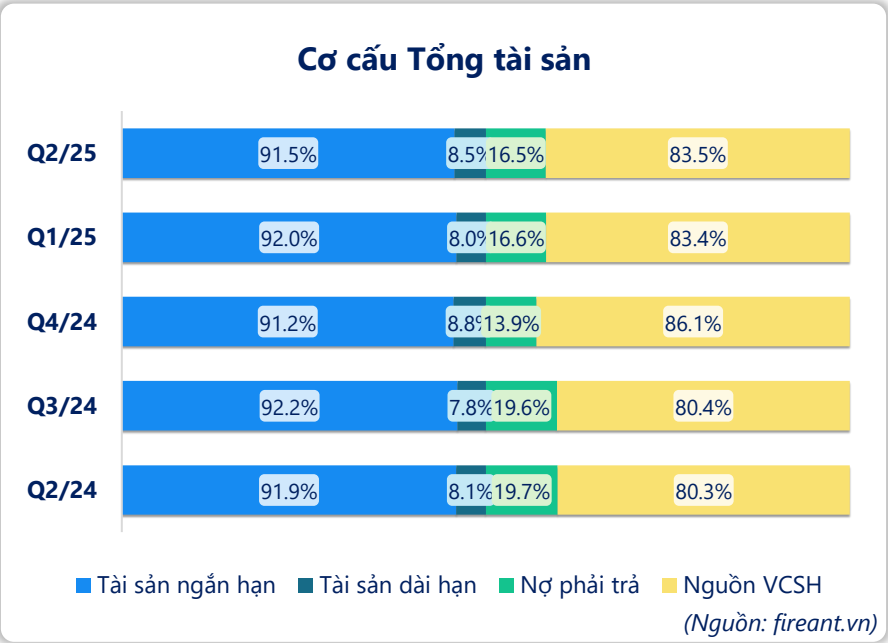
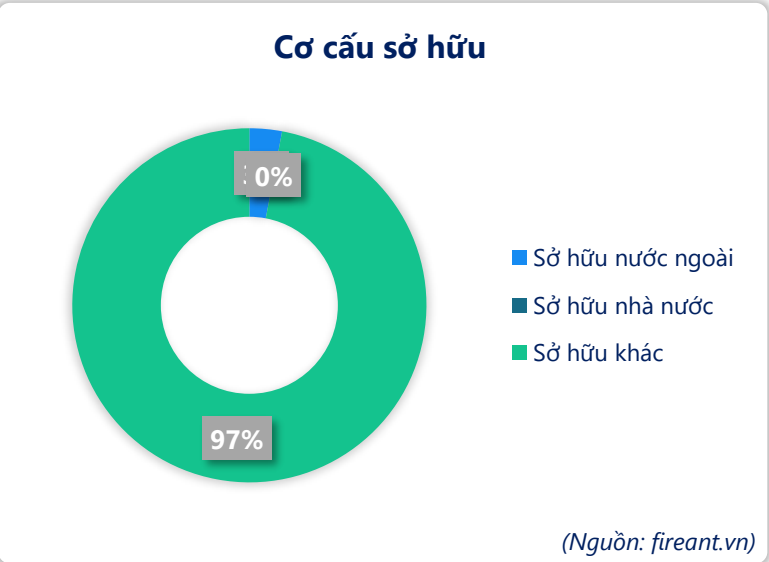
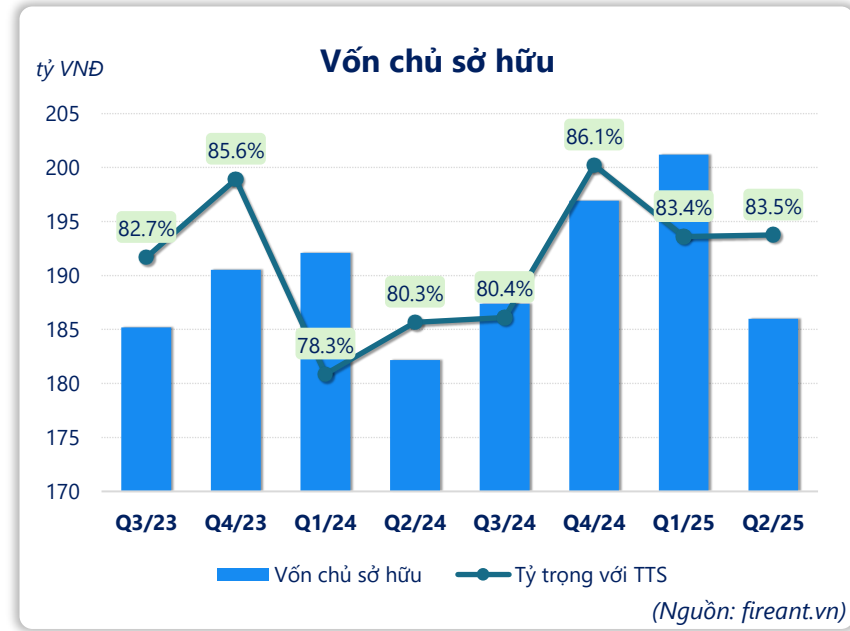
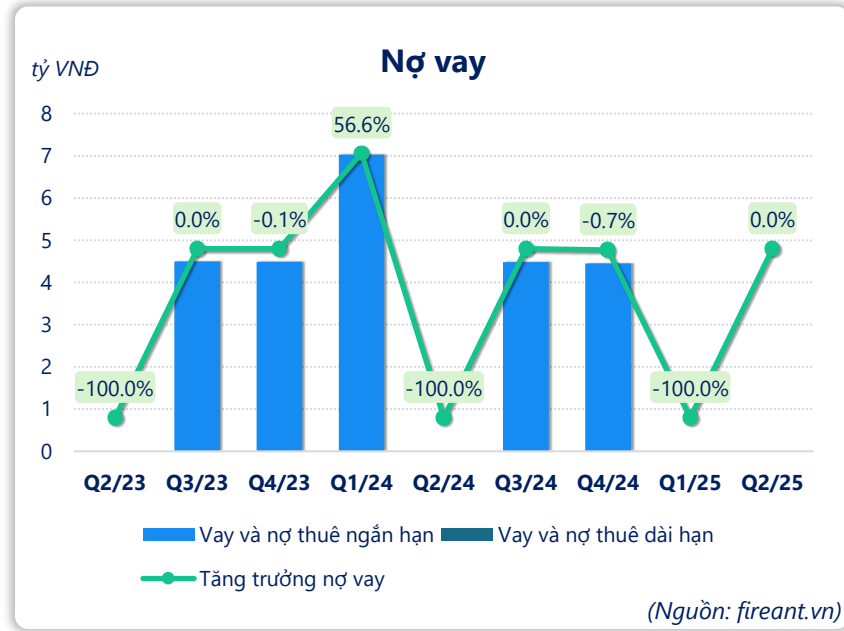
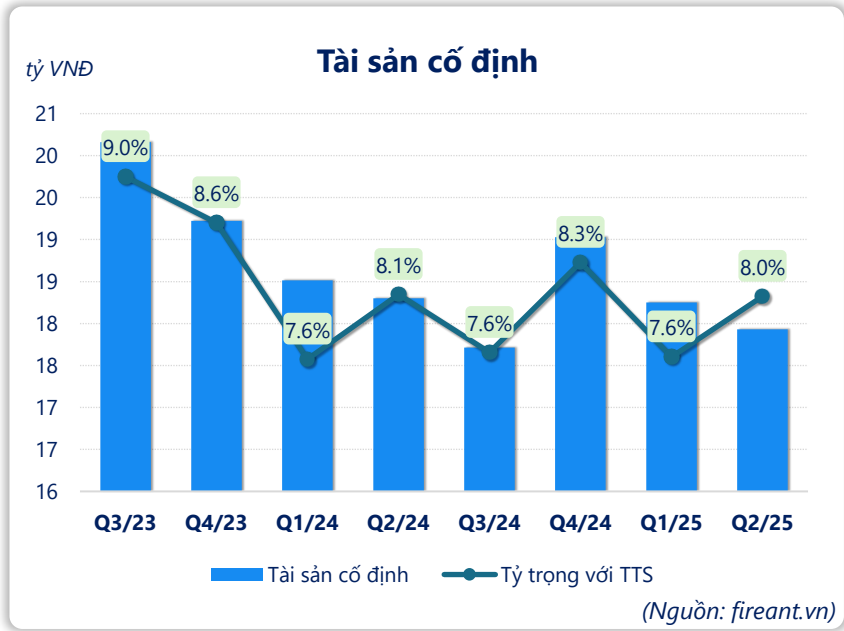
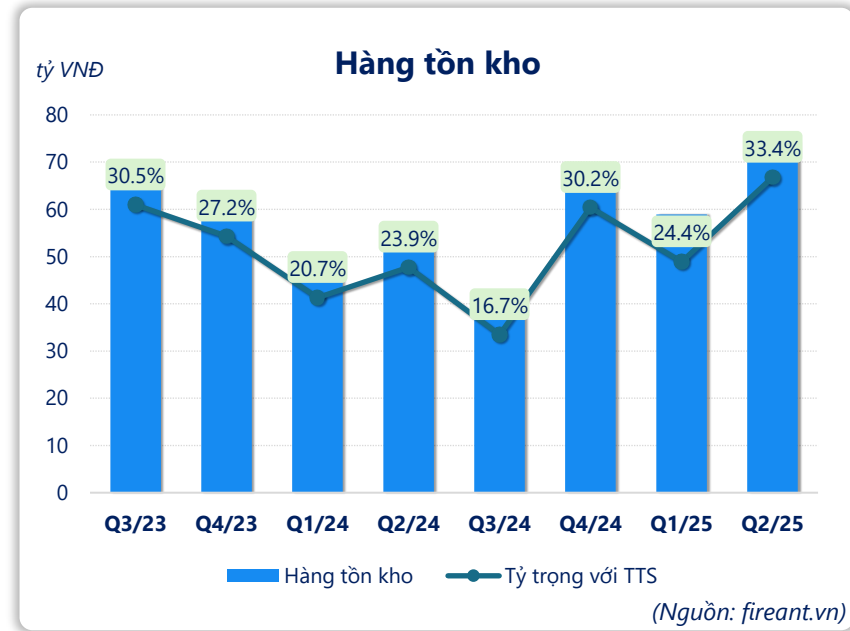
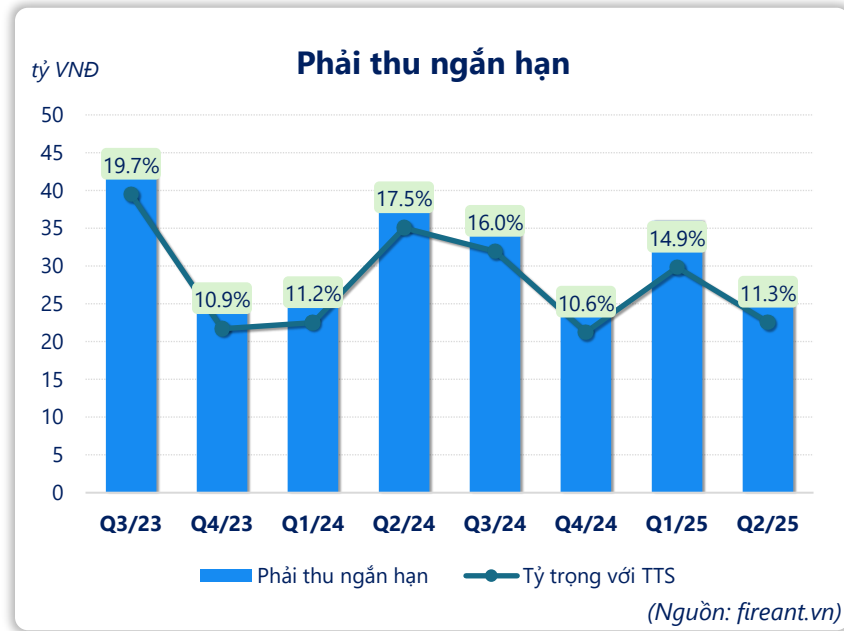
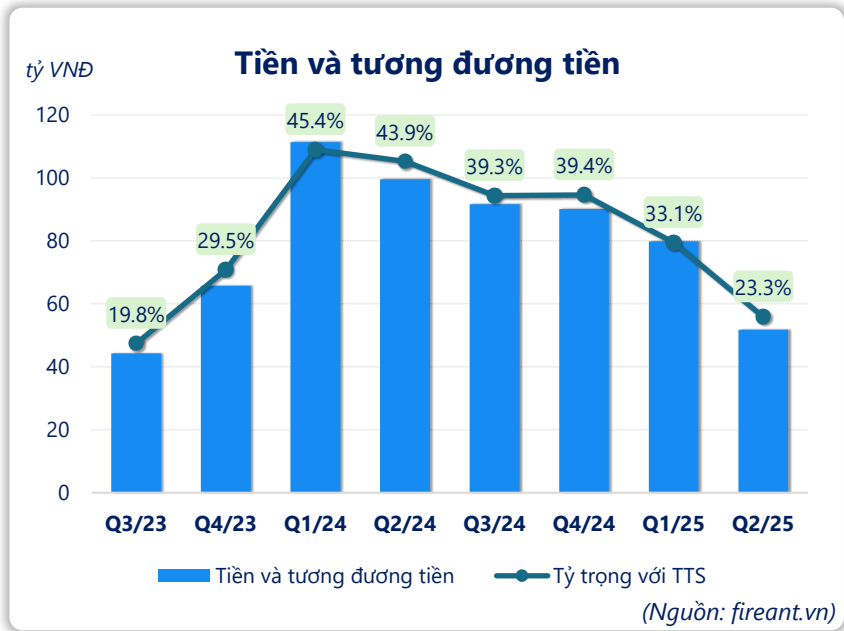
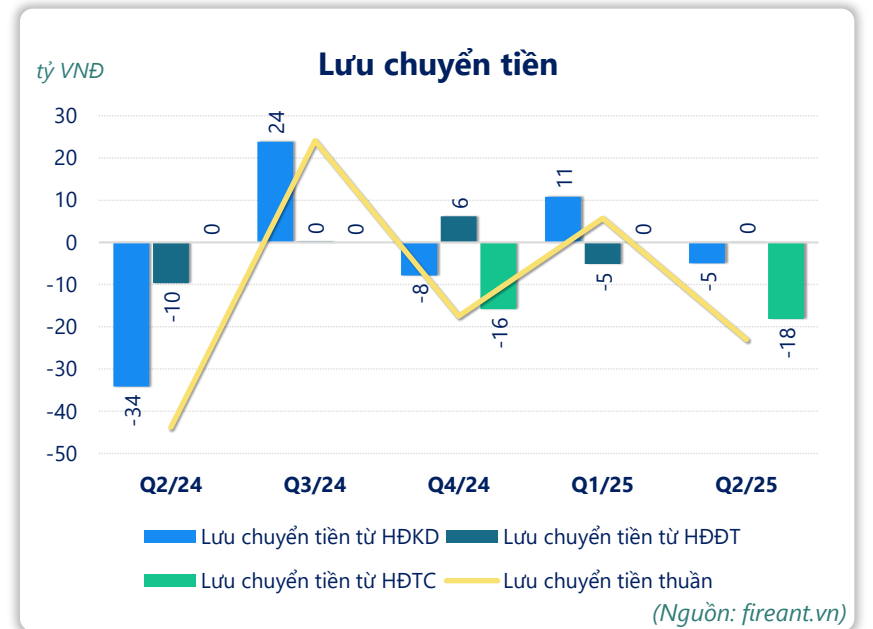
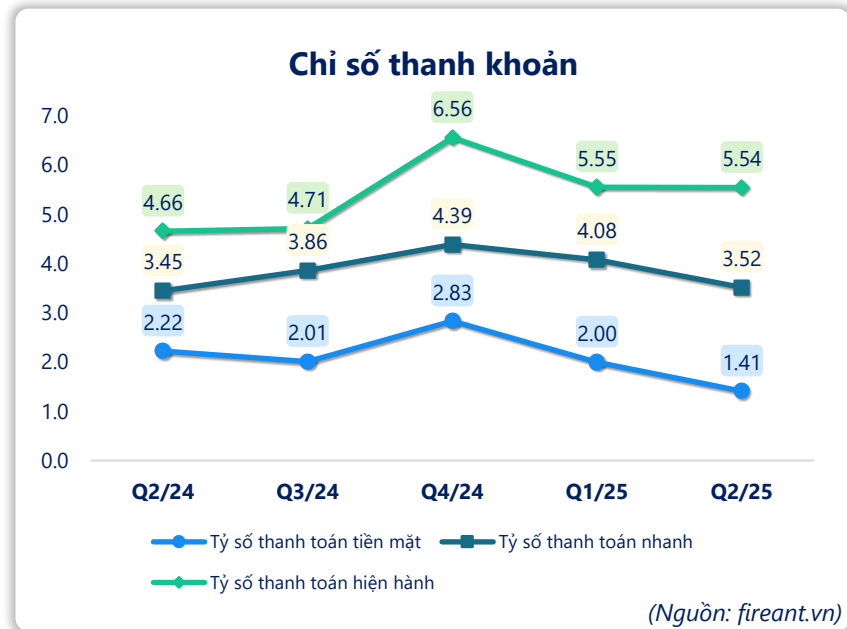
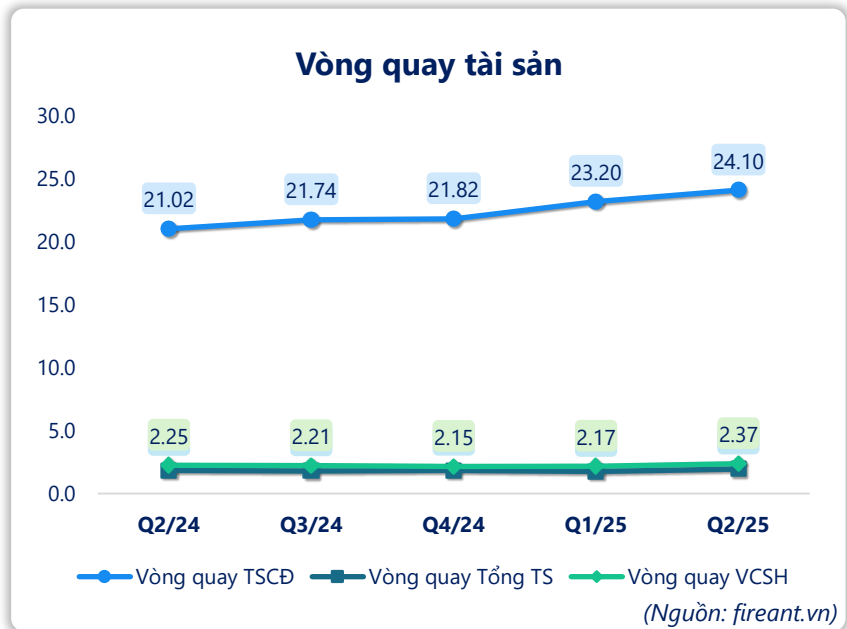
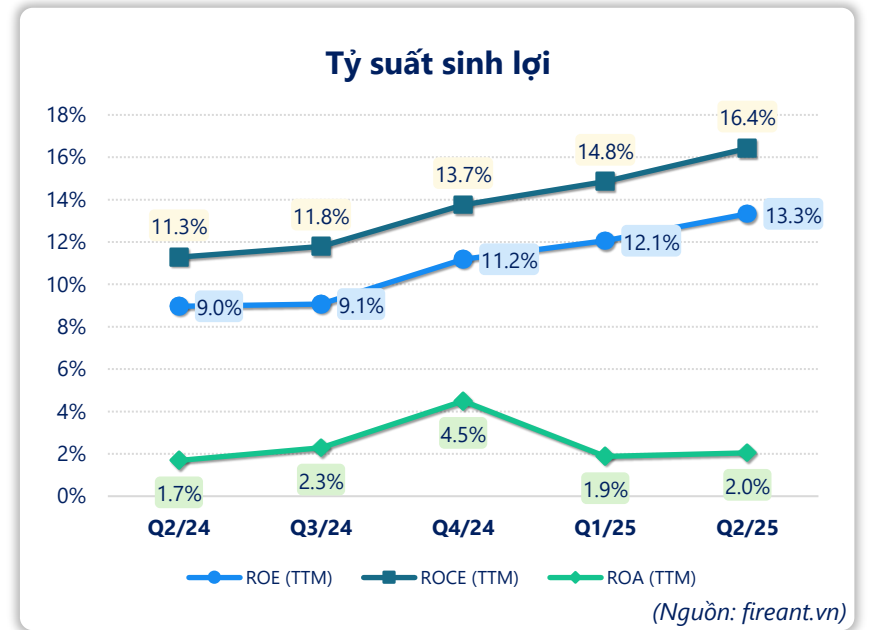
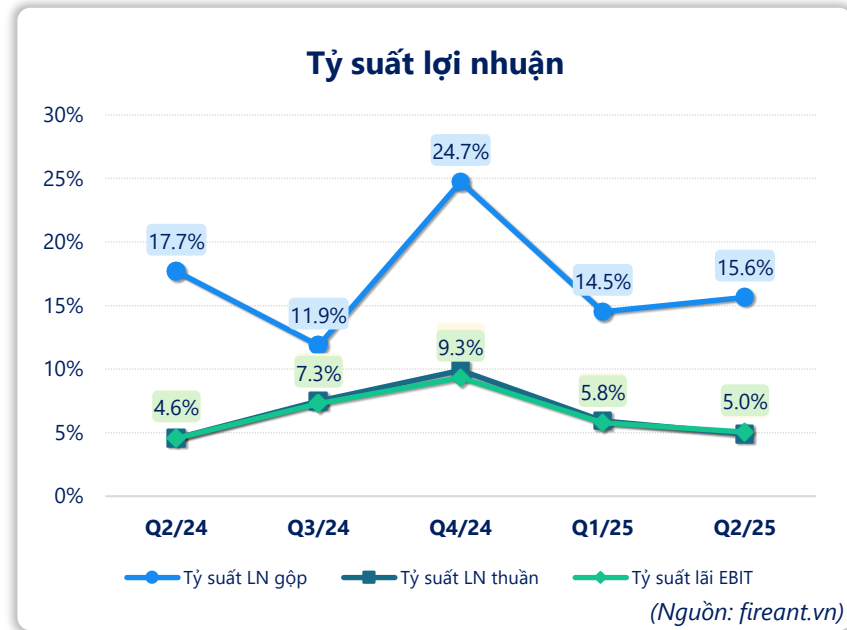
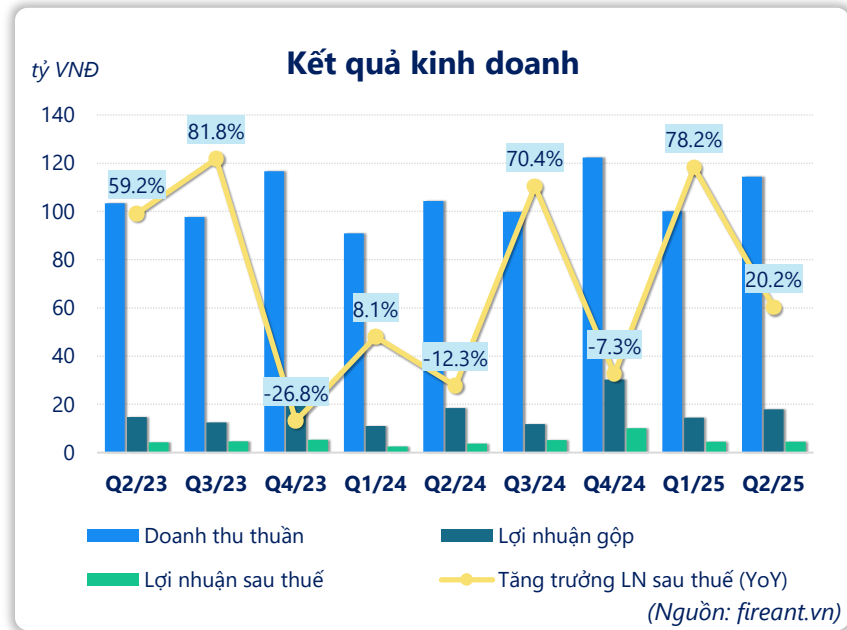


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,173
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,722
SL cổ phiếu LH		12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,735
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		180
P/E		7.4
EPS		2,040

	YTD	1T	3T	6T
HSP	37.6%	0.7%	1.9%	43.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	223	229	-2.7%
Tài sản ngắn hạn	204	209	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	51.8	90.1	-42.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	25.0	108%
Phải thu ngắn hạn	25.1	24.3	3.4%
Hàng tồn kho	74.4	69.1	7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	0.12	235%
Tài sản dài hạn	19.0	20.2	-6.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.9	19.0	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.10	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.99	1.21	-18.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.8	32.2	14.2%
Nợ ngắn hạn	36.8	32.2	14.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	7.84	55.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	186	197	-5.4%
Vốn chủ sở hữu	186	197	-5.4%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	104	99.8	122	100	114
Giá vốn hàng bán	85.8	87.9	92.1	85.5	96.5
Lợi nhuận gộp	18.4	11.8	30.3	14.5	17.9
Doanh thu HĐTC	-0.44	1.39	-0.14	0.92	0.42
Chi phí TC	0	0	2.43	1.01	1.16
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.83	2.45	5.23	3.29	4.51
Chi phí QLDN	9.39	3.31	10.4	5.21	7.02
LN thuần từ HĐKD	4.76	7.46	12.1	5.94	5.61
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.19	-0.70	-0.17	0.17
LN trước thuế	4.75	7.27	11.4	5.76	5.77
Lợi nhuận sau thuế	3.77	5.23	10.1	4.58	4.59
LNST của CĐ cty mẹ	3.77	5.23	10.1	4.58	4.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.1	23.9	-7.84	10.8	-4.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.66	0.22	6.16	-5.08	0.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-15.8	0	-18.2
Tiền đầu kỳ	100	56.5	80.6	63.1	68.8
Lưu chuyển tiền thuần	-43.8	24.1	-17.5	5.70	-23.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	56.5	80.6	63.1	68.8	45.8

(Nguồn: fireant.vn)